

Số: 160/QĐ-THPT LN

Lộc Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước
Trường THPT Lộc Ninh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LỘC NINH

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 10/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 19/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Công văn số 2162/SGDĐT-VP ngày 03/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai V/v triển khai Công văn số 5642/UBND-NC ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai hướng dẫn của Bộ Công an về thực hiện số hoá tài liệu bí mật nhà nước;

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trường trung học phổ thông Lộc Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước của Trường trung học phổ thông Lộc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế tất cả các Quyết định trước đó.

Điều 3. Ban giám hiệu, các ông (bà) và bộ phận có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Hồng Phước

QUY CHẾ

Bảo vệ bí mật Nhà nước Trường THPT Lộc Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 160/QĐ-THPT LN
Ngày 15/10/2025 của Trường THPT Lộc Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về bảo vệ bí mật nhà nước của Trường THPT Lộc Ninh và cán bộ, viên chức, người lao động của trường trong việc bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Quy chế này áp dụng đối với cán bộ, viên chức, người lao động của trường và các tổ chức, cá nhân khi đến liên hệ, làm việc với cơ quan, đơn vị có nội dung liên quan đến bí mật nhà nước của đơn vị.

Điều 2. Danh mục bí mật nhà nước trường THPT Lộc Ninh

Bí mật nhà nước Trường THPT Lộc Ninh gồm những tin, tài liệu, vật như sau:

1. Tin, tài liệu, vật được quy định tại Quyết định số 181/2004/QĐ-TTg ngày 15/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức liên quan thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cụ thể:

Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật của Tỉnh ủy, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức liên quan thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh), huyện gồm những tin trong phạm vi sau:

Các chương trình, đề án, phương án đặc biệt quan trọng của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện về đảm bảo an ninh, quốc phòng, kế hoạch thực hiện lệnh tổng động viên bảo vệ tổ quốc trên địa bàn tỉnh.

Các chủ trương, chính sách của tỉnh, huyện trong phạm vi chức năng về quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, quản lý biên giới; các vụ phức tạp về an ninh, trật tự ở các vùng dân cư đặc thù chưa công bố hoặc không công bố.

Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của tỉnh, huyện gồm những tin trong phạm vi sau:

Các nghị quyết của Tỉnh ủy, chỉ thị, quyết định, văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện về an ninh, quốc phòng; phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của tỉnh chưa công bố.

Nội dung làm việc của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước với Ban Thường vụ huyện ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện về chính trị nội bộ, an ninh, quốc phòng, kinh tế, xã hội chưa công bố hoặc không công bố.



Phương án, kế hoạch triển khai lực lượng của tỉnh, huyện khi nhà nước ban bố tình trạng khẩn cấp trên địa bàn tỉnh, huyện. Phương án, kế hoạch phối hợp các lực lượng của tỉnh, huyện phòng, chống khủng bố, gây rối, gây bạo loạn; giải quyết tình hình phức tạp về an ninh, trật tự ảnh hưởng đến an ninh quốc gia ở các vùng dân cư đặc thù.

Phương án bảo vệ các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các nguyên thủ quốc gia các nước, người đứng đầu các tổ chức quốc tế đến thăm, làm việc hoặc đi qua địa bàn tỉnh, huyện.

Hồ sơ, tài liệu, kế hoạch bảo vệ chính trị nội bộ của các cơ quan Đảng cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đảng ủy trực thuộc.

Nội dung đàm phán, thỏa thuận của tỉnh, huyện với các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế về hợp tác kinh tế - xã hội, khoa học, kỹ thuật, công nghệ mà hai bên thỏa thuận chưa công bố hoặc không công bố.

Số liệu tuyệt đối về dự trữ quốc gia trên địa bàn tỉnh, huyện.

Kế hoạch phòng ngừa, bảo vệ an ninh, an toàn hệ thống truyền dẫn phát sóng, phát thanh truyền hình của tỉnh, huyện.

2. Tin, tài liệu, vật được quy định tại Quyết định số 1279/2004/QĐ-BCA ngày 10/11/2004 của Bộ Công an về Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức liên quan thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cụ thể:

Kế hoạch bảo vệ các kỳ Đại hội Đảng, bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, bảo vệ các ngày lễ lớn trên địa bàn tỉnh;

Hồ sơ, tài liệu về nhân sự Đại hội Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; nhân sự đề bạt, bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành, đoàn thể trong tỉnh chưa công bố;

Tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về những vùng dân cư đặc thù phục vụ công tác đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh;

Hồ sơ, tài liệu của tỉnh trình Quốc hội, Chính phủ đề nghị thành lập, chia, tách hoặc điều chỉnh, phân định ranh giới, địa giới hành chính; quy hoạch, di chuyển các khu dân cư trong phạm vi tỉnh chưa công bố;

Chỉ tiêu đầu tư ngân sách, kế hoạch điều động dân cư cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến an ninh, quốc phòng chưa công bố hoặc không công bố;

Số liệu tuyệt đối về dự toán và quyết toán chi tiêu của các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh liên quan đến an ninh, quốc phòng, đối ngoại chưa công bố hoặc không công bố;

Tài liệu về thanh tra, kiểm tra; kết quả thanh tra, kiểm tra, kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trong các cơ quan, ban, ngành của tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh chưa công bố;

Hồ sơ nhân sự cán bộ lãnh đạo từ cấp phó giám đốc sở (và tương đương) trở lên trong tỉnh;

Tài liệu thiết kế hệ thống kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh. Tài liệu về tần số, quy định về bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; quy ước liên lạc vô tuyến, điện thoại thuộc hệ bưu điện đặc biệt, kế hoạch phối hợp nghiệp vụ thông tin liên lạc giữa ngành Bưu điện với các ngành liên quan phục vụ nhiệm vụ an ninh, quốc phòng thuộc địa bàn tỉnh.

Hồ sơ, tài liệu, sơ đồ kỹ thuật hệ thống phát thanh, truyền hình của tỉnh. Phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh.

3. Tin, tài liệu, vật được quy định tại Quyết định số 59/2016/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong ngành Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

Tin, tài liệu của ngành giáo dục và đào tạo về thực hiện chiến lược an ninh quốc gia; kế hoạch phòng thủ đất nước; kế hoạch động viên đối phó với chiến tranh; kế hoạch chuyển cơ quan từ hoạt động thời bình sang thời chiến (Kế hoạch A); kế hoạch bảo đảm nhu cầu quốc phòng năm đầu chiến tranh (Kế hoạch B); kế hoạch chiến đấu bảo vệ cơ quan, tổ chức (Kế hoạch C); kế hoạch chống khủng bố.

Đề thi chính thức, đề thi dự bị, đáp án, thang điểm bài thi, địa điểm ra đề thi, địa điểm sao in đề thi và các tài liệu liên quan đến các kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, thi chọn học sinh giỏi các cấp, thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh và thi hết môn các cấp học, bậc học, ngành học, trình độ đào tạo chưa công bố.

Văn bản có sử dụng tin, tài liệu thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của các cơ quan, tổ chức khác.

4. Tin, tài liệu, vật được quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BCA ngày 23/3/2017 của Bộ Công an quy định Danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

Tin, tài liệu về đoàn công tác nước ngoài, các cuộc đàm phán, nội dung ký kết với nước ngoài và các tổ chức quốc tế về lĩnh vực giáo dục và đào tạo chưa công bố.

Chiến lược, chương trình, định hướng hợp tác giai đoạn trung hạn và dài hạn với các nước, tổ chức quốc tế về giáo dục và đào tạo chưa công bố.

Tin, tài liệu của các tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế chuyển giao cho ngành giáo dục và đào tạo mà các bên thỏa thuận chưa công bố.

Phương án sắp xếp thí sinh trong phòng thi, mã số phách bài thi và các tài liệu liên quan kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, thi chọn học sinh giỏi các cấp, thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh và thi hết môn các cấp học, bậc học, ngành học, trình độ đào tạo chưa công bố.

Hồ sơ nhân sự của công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo chưa công bố hoặc không công bố.

Tin, tài liệu về hoạt động thanh tra, kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại, tố

cáo; báo cáo kết quả thanh tra, kết quả xác minh nội dung khiếu nại, kết quả xác minh nội dung tố cáo; dự thảo kết luận nội dung tố cáo; các tin, tài liệu khác trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong ngành giáo dục và đào tạo chưa công bố hoặc không công bố.

Tài liệu về thiết kế hệ thống máy tính của Sở Giáo dục và Đào tạo; các quy định, quy ước về bảo đảm an toàn mạng máy tính của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Các chương trình, dự án, tài liệu, công trình nghiên cứu khoa học, kế hoạch, văn bản chỉ đạo thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo phục vụ quốc phòng, đảm bảo an ninh quốc gia, bảo vệ chủ quyền biên giới, hải đảo chưa công bố hoặc không công bố.

Văn bản có sử dụng tin, tài liệu thuộc Danh mục bí mật Nhà nước độ Mật của các cơ quan, tổ chức khác.

5. Tin, tài liệu, vật được quy định tại Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 19/5/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

Bí mật nhà nước độ Tối mật gồm:

1. Đề thi chính thức, đề thi dự bị, đáp án đề thi chính thức, đáp án đề thi dự bị của các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thi chọn đội tuyển Olympic quốc tế và khu vực chưa công khai.

2. Thông tin về người thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Cơ yếu được cử đi đào tạo trong nước và nước ngoài cần được bảo vệ theo yêu cầu của bên cử đi đào tạo.

Bí mật nhà nước độ Mật gồm:

1. Văn bản có nội dung phản ánh, nhận xét, đánh giá về thực trạng tư tưởng, đời sống của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, học sinh, sinh viên có tác động tiêu cực đến chính trị, an ninh, đối ngoại, trật tự an toàn xã hội.

2. Thông tin về địa điểm ra đề thi và in sao đề thi; thông tin về nhân sự của Hội đồng/Ban ra đề thi và in sao đề thi; phương án vận chuyển, bảo quản, lưu trữ và bảo vệ đề thi của các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia và kỳ thi chọn đội tuyển Olympic quốc tế, khu vực chưa công khai.

Điều 3. Phạm vi bí mật nhà nước do Trường THPT Lộc Ninh quản lý và bảo vệ

1. Các văn bản, tài liệu có độ Mật có sử dụng tin, tài liệu thuộc Danh mục bí mật Nhà nước (BMNN) có độ Mật (gọi chung là tài liệu mật) của cơ quan Trung ương, Bộ, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Sở GD&ĐT, Huyện uỷ, UBND huyện gửi đến nhà trường;

2. Tài liệu quy hoạch cán bộ và hồ sơ đảng viên, hồ sơ nhân sự cán bộ, lãnh đạo của nhà trường;

3. Hồ sơ, tài liệu đang thanh tra, kiểm tra, báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra chưa công bố;

4. Số liệu thống kê, kế toán, thu chi của nhà trường chưa được phép công bố;

5. Phương án sắp xếp thí sinh trong phòng thi, mã số phách bài thi và các tài liệu liên quan kỳ thi chưa được phép công bố;

6. Đề thi, đáp án, bài thi, điểm thi chưa công khai (đang trong thời gian bảo mật chưa được phép công bố);

7. Các báo cáo, văn bản khác có sử dụng tin, tài liệu thuộc danh mục BMNN, tài liệu của Đảng có đóng dấu mức độ mật của các cơ quan có thẩm quyền;

8. Tin, tài liệu hoạt động đấu thầu, xét thầu các dự án của đơn vị do cấp trên quản lý đang trong quá trình xem xét chưa công bố;

9. Tin, tài liệu về hoạt động thanh tra, kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo; báo cáo kết quả thanh tra, kết quả xác minh nội dung khiếu nại, kết quả xác minh nội dung tố cáo; dự thảo kết luận nội dung tố cáo; các tin, tài liệu khác trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực giáo dục của nhà trường chưa công bố hoặc không công bố;

10. Văn bản có sử dụng tin, tài liệu thuộc Danh mục BMNN độ Mật của các cơ quan, tổ chức khác.

Điều 4. Những hành vi nghiêm cấm

1. Làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán bí mật nhà nước hoặc thu thập, lưu giữ, tiêu hủy trái phép bí mật nhà nước. Xuyên nhập trái phép các khu vực cấm, địa điểm cấm.

2. Lạm dụng bảo vệ bí mật nhà nước để che dấu hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân hoặc cản trở hoạt động của cơ quan Nhà nước, tổ chức và cá nhân.

3. Soạn thảo, lưu giữ thông tin, tài liệu mang nội dung bí mật nhà nước trên máy tính (hoặc các thiết bị khác có chức năng soạn thảo, lưu trữ thông tin, tài liệu) có nối mạng Internet và những mạng khác có khả năng làm lộ, làm mất tài liệu; kết nối thiết bị thu phát wifi, USB 3G, 4G và thiết bị thông tin khác vào máy tính dùng để soạn thảo, lưu giữ thông tin, tài liệu mang bí mật nhà nước; kết nối các thiết bị có chức năng lưu trữ chứa thông tin, tài liệu mang nội dung bí mật nhà nước với máy tính có kết nối Internet.

4. Sử dụng Micro vô tuyến, điện thoại di động, thiết bị có tính năng ghi âm, thu phát tín hiệu trong các cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép.

5. Trao đổi thông tin, gửi dữ liệu mang nội dung bí mật nhà nước qua thiết bị liên lạc vô tuyến, hữu tuyến, máy fax, mạng xã hội, hộp thư điện tử dưới mọi hình thức, trừ trường hợp thông tin, dữ liệu đã được mã hóa theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

6. Sử dụng các trang thiết bị kỹ thuật thông tin liên lạc do các tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ, tặng, cho mượn, cho thuê vào các hoạt động thuộc phạm vi bí mật nhà nước khi chưa được các cơ quan, đơn vị chức năng có thẩm quyền kiểm tra, kiểm định.

7. Trao đổi, tặng, cho mượn, cho thuê máy vi tính, thẻ nhớ, đĩa mềm, USB và các thiết bị khác có lưu giữ thông tin, tài liệu mang nội dung bí mật nhà nước.

8. Cài đặt, sửa chữa máy vi tính và các thiết bị lưu giữ thông tin bí mật nhà nước tại các cơ sở dịch vụ bên ngoài khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép và chưa tiến hành các biện pháp bảo mật cần thiết.

9. Cung cấp, đăng tải tin, tài liệu mang nội dung bí mật nhà nước trên báo chí, ấn phẩm xuất bản công khai, trên cổng thông tin điện tử, trên các website, cổng thông tin, facebook, zalo cá nhân và dịch vụ trực tuyến khác trên Internet.

10. Nghiên cứu sản xuất, sử dụng các loại mật mã, virus gián điệp, phần mềm độc hại nhằm tấn công, gây phương hại đến an ninh, an toàn hệ thống mạng máy tính trên địa bàn tỉnh hoặc tiến hành các hành vi vi phạm pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Xác định phạm vi bí mật nhà nước của cơ quan, đơn vị

Căn cứ danh mục bí mật nhà nước của tỉnh Bình Phước và danh mục bí mật nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, ban hành văn bản dưới hình thức công văn hành chính theo *Mẫu số 01* trong Phụ lục kèm theo Quy chế này để xác định phạm vi bí mật nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý và bảo vệ của cơ quan, đơn vị; trong đó, quy định rõ ràng độ mật của từng loại tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước do cơ quan, đơn vị ban hành.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung, giải mật danh mục bí mật nhà nước

Quý I hàng năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị (hoặc người được ủy quyền) nghiên cứu, rà soát lại các văn bản xác định phạm vi bí mật nhà nước ngành GD&ĐT để xác định quy định nào không còn phù hợp, cần thay đổi độ mật (tăng, giảm độ mật), giải mật hoặc xác định nội dung mới cần được bảo mật báo cáo gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Công an tỉnh) nếu thuộc danh mục bí mật nhà nước của tỉnh hoặc báo cáo, kiến nghị cơ quan chủ quản nếu thuộc danh mục bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức ở Trung ương.

Điều 7. Cam kết bảo vệ bí mật nhà nước

Người làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước, văn thư, bảo quản, lưu giữ bí mật nhà nước, công nghệ thông tin và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước (người trực tiếp nghiên cứu, chỉ đạo, xử lý, giải quyết thông tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước) tại các cơ quan, đơn vị phải cam kết bảo vệ bí mật nhà nước bằng văn bản theo *Mẫu số 02* trong Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Khi chuyển ngành, chuyển công tác, nghỉ chế độ, không làm việc tại các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 1 Quy chế này cũng phải cam kết không tiết lộ bí mật nhà nước theo quy định. Văn bản cam kết lưu giữ tại cơ quan, đơn vị.

Điều 8. Bảo vệ bí mật nhà nước trong sử dụng máy vi tính, thiết bị công

nghệ thông tin liên lạc

1. Máy vi tính và các thiết bị có chức năng lưu trữ

a) Cơ quan, đơn vị soạn thảo, phát hành, lưu trữ bí mật nhà nước phải bố trí, sử dụng máy tính riêng (không kết nối mạng internet, mạng nội bộ, mạng diện rộng).

b) Máy vi tính, các thiết bị có chức năng lưu trữ (ổ cứng di động, USB, đĩa mềm, thẻ nhớ) trang bị cho công tác bảo mật, trước khi sử dụng phải được kiểm tra an ninh.

c) Sửa chữa máy vi tính, các thiết bị có chức năng lưu trữ dùng trong công tác bảo mật bị hư hỏng phải do cán bộ công nghệ thông tin cơ quan, đơn vị thực hiện. Nếu thuê dịch vụ bên ngoài, phải giám sát chặt chẽ. Máy vi tính lưu trữ tài liệu, thông tin bí mật nhà nước mang ra ngoài sửa chữa, phải tháo rời ổ cứng niêm phong, quản lý tại cơ quan, đơn vị. Sửa chữa xong, phải kiểm tra trước khi sử dụng.

d) Máy vi tính dùng để soạn thảo, lưu trữ thông tin, tài liệu mang nội dung bí mật nhà nước khi không sử dụng hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng thì phải xóa bỏ các dữ liệu bí mật nhà nước với phương pháp an toàn.

2. Các thiết bị thu, phát sóng, điện thoại di động, thiết bị di động thông minh

a) Các cuộc họp, hội nghị, hội thảo có nội dung bí mật nhà nước chỉ sử dụng micro có dây, không ghi âm, ghi hình, sử dụng điện thoại di động, trừ trường hợp được cấp hoặc người có thẩm quyền cho phép. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì có thể đề nghị triển khai biện pháp chế áp thông tin di động.

b) Không lưu trữ các tài liệu có nội dung bí mật nhà nước trên các thiết bị di động smartphone; không sử dụng thiết bị di động smartphone và dịch vụ trực tuyến tại các khu vực, bộ phận thiết yếu, cơ mật.

3. Tin, tài liệu có nội dung bí mật nhà nước khi truyền đưa bằng các phương tiện viễn thông, máy tính và các thiết bị thông tin liên lạc khác (vô tuyến, hữu tuyến) phải được mã hóa theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 9. Soạn thảo, đánh máy, in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

1. Người được giao nhiệm vụ soạn thảo, in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải nắm vững các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; danh mục bí mật nhà nước của tỉnh và phạm vi bí mật nhà nước do trường THPT Lộc Ninh quản lý và bảo vệ.

2. Tài liệu, vật mang bí mật nhà nước tùy theo mức độ mật phải đóng dấu độ mật: “Tuyệt mật”, “Tối mật”, “Mật”. Người soạn thảo văn bản có nội dung bí mật nhà nước phải đề xuất độ mật của từng văn bản bằng Phiếu đề xuất độ mật của văn bản theo *Mẫu số 03* trong Phụ lục của Quy chế này, số lượng phát hành, phạm vi lưu hành (được ghi tại mục “Kính gửi”). Nhân viên văn thư có trách nhiệm đóng dấu độ mật theo quyết định của người duyệt ký văn bản.

3. Tài liệu dự thảo mang nội dung bí mật nhà nước gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương cũng phải đóng dấu độ mật trên bản thảo. Người soạn dự thảo đề

xuất độ mật ngay trên công văn đề nghị tham gia góp ý dự thảo. Văn bản dự thảo và các văn bản liên quan phát sinh trong quá trình dự thảo phải được lập hồ sơ công việc cùng với các bản chính văn bản mật được ban hành. Sau khi giải quyết xong, phải hoàn chỉnh hồ sơ của từng công việc và định kỳ bàn giao lại cho người làm công tác lưu trữ của cơ quan, đơn vị để quản lý thống nhất.

4. Việc in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải thực hiện đúng quy định tại Điều 3 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; (sau đây viết tắt là Nghị định số 26/2020/NĐ-CP). Việc in, sao, chụp điện mật được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Hồ sơ bí mật nhà nước chứa đựng nhiều tài liệu có độ mật khác nhau thì đóng dấu độ mật cao nhất ngoài bìa hồ sơ.

6. Thẩm quyền cho phép in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

a) Lãnh đạo cơ quan, đơn vị là người phê duyệt ban hành văn bản có nội dung bí mật nhà nước có thẩm quyền cho phép in, sao, chụp những văn bản do cơ quan, đơn vị ban hành.

b) Việc ủy quyền thẩm quyền in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải được xác định cụ thể bằng văn bản về công tác bảo mật của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

7. Quản lý tài liệu, vật mang bí mật nhà nước được in, sao, chụp bằng sổ riêng theo *Mẫu số 04* trong Phụ lục Quy chế này và được bảo quản theo chế độ mật.

Điều 10. Vận chuyển, giao, nhận, thu hồi, lưu giữ, bảo quản và sử dụng tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

1. Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải thực hiện đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

2. Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật mang bí mật nhà nước được quản lý bằng hệ thống sổ riêng gồm “Sổ đăng ký văn bản mật đi”, “Sổ đăng ký văn bản mật đến”; “Sổ chuyển giao văn bản mật”.

Mẫu các loại sổ trên được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước

3. Nguyên tắc gửi, nhận và thu hồi tài liệu, vật mang bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

4. Định kỳ hàng năm, trong phạm vi quản lý, bộ phận bảo mật hoặc người được phân công làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp với người làm công tác lưu trữ thu thập, đưa vào lưu trữ cơ quan các hồ sơ, tài liệu vật mang bí mật nhà nước đã giải quyết xong của các cá nhân trong cơ quan, đơn vị. Khi giao, nhận tài liệu, đơn vị, cá nhân giao nộp phải lập hai bản “Mục lục hồ sơ, tài liệu nộp lưu” và người làm công tác lưu trữ phải lập hai bản “Biên bản giao nhận hồ sơ, tài liệu”. Đơn vị, cá nhân giao nộp hồ sơ, tài liệu và lưu trữ cơ quan mỗi bên giữ một bản. Trường hợp hồ sơ, tài liệu có độ mật cao (Tuyệt mật, Tối mật) và

xét thấy cần thiết, có thể niêm phong, đóng dấu giáp lai sau giao, nhận để đưa vào bảo quản, lưu trữ.

Việc lưu giữ, bảo quản và sử dụng tài liệu, vật mang bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 12 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 11. Phổ biến, nghiên cứu; đem tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước đi công tác trong nước, về nhà riêng hoặc ra nước ngoài

1. Việc phổ biến, nghiên cứu tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

2. Chỉ được đem những tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước có liên quan đến nhiệm vụ được giao khi đi công tác hoặc về nhà riêng nếu được thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp phê duyệt; phải đăng ký với cán bộ bảo mật (cán bộ đang lưu giữ, bảo quản tài liệu mật); trong thời gian đi công tác hoặc về nhà riêng phải có biện pháp quản lý, bảo vệ an toàn; khi hoàn thành nhiệm vụ phải cùng cán bộ bảo mật kiểm tra và nộp lại cơ quan, đơn vị.

3. Việc đem tài liệu, vật mang bí mật nhà nước ra nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

Điều 12. Cung cấp tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

1. Cung cấp tin, tài liệu, vật có nội dung bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam

a) Việc cung cấp tin, tài liệu, vật có nội dung bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 15 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Khi cung cấp tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước cho báo chí, nhà xuất bản, các tổ chức, cá nhân phải thực hiện nghiêm Luật Báo chí, Luật Xuất bản và các quy định khác của Đảng, Nhà nước và tỉnh Bình Phước, Sở Giáo dục và Đào tạo về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

2. Cung cấp tin, tài liệu, vật mang nội dung bí mật nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Tuân thủ tuyệt đối các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc với tổ chức, cá nhân nước ngoài; về thủ tục xét duyệt cung cấp tin, tài liệu, vật mang nội dung bí mật nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài được quy định cụ thể tại Điều 16 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 13. Tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

Nguyên tắc, căn cứ, thẩm quyền, trình tự và thủ tục tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 14. Giải mật, thay đổi độ mật tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

1. Tất cả các cơ quan, đơn vị có soạn thảo, ban hành tài liệu, vật mang bí mật nhà nước và không thuộc diện tiêu hủy đều có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc giải

mật, thay đổi độ mật.

2. Nguyên tắc, căn cứ, thẩm quyền, thời gian, trình tự và thủ tục giải mật, giảm mật, tăng mật thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 15. Xác định, quản lý và bảo vệ các khu vực cấm, địa điểm cấm thuộc phạm vi bí mật nhà nước Trường THPT Lộc Ninh

1. Địa điểm cấm thuộc phạm vi bí mật nhà nước Trường THPT Lộc Ninh, khu vực cấm, địa điểm cấm thuộc phạm vi bí mật nhà nước của cơ quan, đơn vị là nơi chứa đựng, cất giữ các tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước, nơi tiến hành các hoạt động thuộc phạm vi bí mật nhà nước (bao gồm: Nơi in ấn, sao, chụp bí mật nhà nước; nơi hội họp, phổ biến bí mật nhà nước; vị trí trọng yếu trong các công trình, mục tiêu đặc biệt quan trọng; kho cất giữ sản phẩm mật mã, nơi dịch mật mã, chuyển, nhận những thông tin mật; nơi tiến hành các hoạt động khác thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

2. Quản lý và bảo vệ các khu vực cấm, địa điểm cấm

a) Các khu vực, địa điểm được xác định là khu vực cấm, địa điểm cấm phải cấm biển báo “Khu vực cấm”, “Địa điểm cấm”, Mẫu biển báo cấm theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý khu vực cấm, địa điểm cấm phải xây dựng và niêm yết công khai Nội quy bảo vệ, nhất là các quy định cấm.

c) Người không có trách nhiệm vào khu vực cấm, địa điểm cấm phải được thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý khu vực cấm, địa điểm cấm đó cho phép.

d) Các khu vực cấm, địa điểm cấm phải bố trí lực lượng bảo vệ. Lực lượng bảo vệ phải đảm bảo về tiêu chuẩn chính trị và trải qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn chuyên sâu công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.

e) Tùy khả năng, điều kiện cụ thể, các khu vực cấm, địa điểm cấm cần được trang bị các phương tiện, thiết bị kỹ thuật hỗ trợ (gồm: Hệ thống khóa an toàn, hệ thống camera giám sát an ninh, hệ thống chuông báo động, thẻ quản lý người ra vào, cổng từ, máy soi chiếu và các thiết bị an ninh an toàn khác). Các phương tiện, thiết bị kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng phải được Công an tỉnh kiểm tra, đảm bảo an toàn và dán tem an ninh.

Điều 16. Mẫu dấu mật và mẫu biển cấm

Mẫu dấu mật và mẫu biển cấm thực hiện thống nhất theo hướng dẫn của bộ Công an.

Chương III

**THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TRƯỞNG,
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,
VIÊN CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

Điều 17. Thẩm quyền, trách nhiệm của thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị

1. Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật trong cơ quan, đơn vị mình quản lý. Căn cứ Quy chế này, thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện quản lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý được giao phụ trách.

2. Lựa chọn, bố trí công chức, viên chức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm có đủ phẩm chất, năng lực làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước, giúp lãnh đạo theo dõi, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Trước khi tuyển dụng hoặc chuyển công tác khác đối với công chức, viên chức làm công tác trực tiếp liên quan đến bí mật nhà nước phải trao đổi với cơ quan Công an cùng cấp để xem xét.

3. Giáo dục đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ý thức cảnh giác, giữ gìn bí mật nhà nước; có biện pháp cụ thể quản lý cán bộ, nhất là cán bộ nắm giữ nhiều bí mật Nhà nước, cán bộ thường xuyên đi công tác nước ngoài hoặc tiếp xúc, làm việc với người nước ngoài.

4. Trang bị đầy đủ các phương tiện phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp có thẩm quyền về công tác bảo vệ bí mật nhà nước thuộc trách nhiệm cơ quan, đơn vị mình.

Điều 18. Việc phân công cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước

1. Mỗi tổ chức, đoàn thể, tổ, cá nhân căn cứ quy mô, tính chất hoạt động và phạm vi, số lượng tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý phân công cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm theo dõi, tham mưu công tác bảo vệ bí mật nhà nước; thành lập bộ phận bảo mật của cơ quan, đơn vị.

2. Bộ phận bảo mật, cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước ở các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham mưu giúp thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị mình tổ chức thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

Điều 19. Tiêu chuẩn, trách nhiệm của cán bộ làm công tác liên quan đến bí mật nhà nước

1. Người làm nhiệm vụ văn thư, bảo quản, lưu trữ bí mật nhà nước, công nghệ thông tin và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước tại cơ quan, đơn vị:

a) Nắm vững và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, lý lịch rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức cảnh giác giữ gìn bí mật nhà nước.

c) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Thành viên bộ phận bảo mật, cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, lý lịch rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần cảnh giác và trách nhiệm cao, có ý thức tổ chức kỷ luật, có năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu; thường xuyên được bồi dưỡng, tập huấn

kiến thức, kỹ năng về công tác bảo mật.

3. Cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước được hưởng chế độ trách nhiệm theo quy định của Nhà nước.

Điều 20. Thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ bí mật nhà nước

Thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất đối với từng vụ, việc hoặc đối với từng cá nhân, từng bộ phận công tác, từng cơ quan, tổ chức trong ngành Giáo dục và Đào tạo.

1. Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thực hiện việc kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước định kỳ hoặc đột xuất đối với từng tập thể trong phạm vi quản lý của mình. Việc kiểm tra định kỳ phải được tiến hành ít nhất 02 năm một lần.

2. Thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước phải đánh giá đúng những ưu điểm, khuyết điểm; phát hiện những thiếu sót, sơ hở và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Sau mỗi lần thanh tra, kiểm tra phải có báo cáo cơ quan chủ quản cấp trên, đồng thời gửi Công an cùng cấp để theo dõi.

Điều 21. Kinh phí, trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước

1. Kinh phí dành cho công tác bảo vệ bí mật nhà nước của các cơ quan, đơn vị thực hiện thống nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 110/2013/TT-BTC ngày 14/8/2013 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Việc trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước do Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định.

Điều 22. Chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết về công tác bảo vệ bí mật nhà nước

1. Chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước

a) Chế độ báo cáo

Báo cáo đột xuất: Là báo cáo về những vụ lộ, mất bí mật nhà nước xảy ra hoặc các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Báo cáo phải nêu đầy đủ, cụ thể tình tiết của sự việc xảy ra và các biện pháp khắc phục hậu quả, truy xét ban đầu. Báo cáo gửi cơ quan chủ quản cấp trên và cơ quan Công an cùng cấp.

Báo cáo định kỳ: Là báo cáo toàn diện hàng năm về công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại cơ quan, đơn vị từ ngày 01/11 năm trước đến ngày 01/11 năm kế tiếp. Báo cáo gửi cơ quan chủ quản cấp trên và cơ quan Công an cùng cấp trước ngày 05/11 hàng năm. Báo cáo của Sở GD&ĐT gửi về Thường trực Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh (Công an tỉnh) trước ngày 15/11 hàng năm.

b) Nội dung báo cáo

Nội dung báo cáo thực hiện theo các quy định, hướng dẫn của Sở GD&ĐT Đồng Nai.

c) Gửi báo cáo

Trường các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường phải thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về công tác bảo vệ BMNN trong phạm vi mình quản lý theo quy định, cụ thể như sau:

- Báo cáo thuộc thẩm quyền quản lý gửi về Ban chỉ đạo công tác bảo vệ BMNN của nhà trường.

- Báo cáo của Thủ trưởng đơn vị hàng năm gửi về Sở GD&ĐT Đồng Nai.

2. Sơ kết, tổng kết về công tác bảo vệ bí mật nhà nước

Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ BMNN nhà trường chịu trách nhiệm giúp Hiệu trưởng tổ chức sơ kết công tác bảo vệ BMNN trên địa bàn nhà trường mỗi năm một lần. Việc gửi báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Quy chế.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Các tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc bảo vệ BMNN trong nhà trường có trách nhiệm thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN và Quy chế này.

2. Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường có biện pháp cụ thể triển khai công tác bảo vệ BMNN của cơ quan, đơn vị..

Điều 24. Thi đua, khen thưởng

1. Kết quả triển khai, tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước là một trong những tiêu chí trong bình xét các danh hiệu thi đua tập thể, cá nhân hàng năm.

2. Tập thể và cán bộ, viên chức, người lao động Trường THPT Lộc Ninh có một trong những thành tích sau sẽ được khen thưởng theo quy định của pháp luật:

a) Phát hiện, tố giác kịp thời hành vi thu thập, làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép bí mật nhà nước.

b) Khắc phục khó khăn nguy hiểm, dũng cảm bảo vệ an toàn bí mật nhà nước.

c) Tìm được tài liệu, vật thuộc bí mật nhà nước bị mất, ngăn chặn hoặc hạn chế được hậu quả do việc làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép bí mật nhà nước do người khác gây ra.

d) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước theo trách nhiệm được giao.

đ) Thực hiện tốt Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước, quy chế, quy định bảo vệ bí mật Nhà nước, tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo.

Điều 25. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước

và quy định của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả tác hại gây ra sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, đoàn thể trong đơn vị kịp thời phản ánh về Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế bảo vệ BMNN, Ban giám hiệu nhà trường để tổng hợp, tham mưu, báo cáo về Sở GD&ĐT Đồng Nai xem xét và cho phép sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT(để b/c);
- Đảng ủy, BGH(Chỉ đạo t/h) ;
- Các tổ chức, đoàn thể, tổ CM, tổ VP,(để th/h);
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Hồng Phước

ĐỒNG